

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 235/2024/DS-ST
Ngày: 25 - 9 -2024
V/v Tranh chấp về dân sự -
Ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Võ Thị Ngọc M**;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Phan Quốc T**;
2. Bà **Nguyễn Thị P**;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tấn L** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh:* Ông **Nguyễn Quang T** – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 và ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-DS, ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp dân sự - Ranh giới quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 435/2024/QĐXXST- DS, ngày 05/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 462/2024/QĐST -DS ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị D, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1979;

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông M: Ông Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm C, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/12/2023)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện C.

Địa chỉ: số A N, khóm M thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà D, ông T có mặt; Ngân hàng N2 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Trần Thị X (mẹ của bà D), đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau này, mẹ bà D đã làm thủ tục giao đất cho bà D quản lý, sử dụng. Bà D đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/8/2019 đối với diện tích 3.328,0 m², thửa số 1548, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tiếp giáp với đất bà D là đất của ông Nguyễn Hoàng M là con cháu trong gia đình. Khi mẹ giao đất cho bà D sử dụng thì chỉ có con mương và nói rằng mỗi bên phân nửa. Bà D tiếp tục sử dụng, canh tác cho đến nay, hai bên vẫn chưa xác định được trụ đá ranh. Ông Nguyễn Hoàng M tự ý lấp con mương, tự ý chỉ ranh đất lấn chiếm qua đất bà D chiều ngang 04m, chiều dài từ thủy lợi trở vào khoảng 50m, diện tích lấn chiếm khoảng 200m². Bà D thấy hành vi chỉ ranh, lấn chiếm đất của ông Nguyễn Hoàng M không đúng nên có lên tiếng nhắc nhở trong gia đình nhưng ông Nguyễn Hoàng M không chịu. Bà D có làm đơn trình bày với địa phương và nhờ giải quyết. Buổi hòa giải ngày 20/7/2022 có cán bộ địa chính xã, cán bộ tư pháp xã đến giải quyết, ông Nguyễn Hoàng M có đến tham gia hòa giải. Bà D yêu cầu xác định lại ranh đất của hai bên cho rõ ràng theo đúng với diện tích của quyền sử dụng đất được cấp nhưng ông Nguyễn Hoàng M không đồng ý, cho rằng phần con mương là của mình và còn tự ý lấp mương. Bà D và ông M không thỏa thuận được nên hòa giải không thành.

Theo đơn khởi kiện, bà D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng M trả cho bà D phần đất lấn chiếm chiều ngang 04m, chiều dài từ thủy lợi trở vào khoảng 50 m, diện tích lấn chiếm khoảng 200m², thuộc thửa số 1548, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do bà Nguyễn Thị D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên hòa giải, bà D yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 1548 của bà và thửa số 612 của ông M là đoạn thẳng nối giữa các mốc: M7-M26-M25-M24 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/8/2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ xác lập.

Đối với sơ đồ đo đạc ngày 14/8/2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ xác lập và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2023 do Tòa án huyện C xác lập.

Đối với Biên bản định giá tài sản ngày 03/10/2023 thì bà D cũng thống nhất không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hoàng M có ông Nguyễn Vĩnh T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc đất này là do ông Trần Văn Q (ông C ông M) để lại cho con ông là bà Trần Thị M1 (bà nội ông M) được cấp giấy lần đầu vào ngày 04/8/2003, đến năm 2005 thì cho Tôi theo hợp đồng chuyển nhượng số 2319/CN ngày 27/11/2005. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 967922 do UBND huyện C cấp ngày 30/12/2005.

Nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị D có nguồn gốc từ ông Trần Văn Q để lại cho con là bà Trần Thị M1, bà M1 cất nhà trên thửa 1548, trồng cây, canh tác tại diện tích đất này từ những năm 1970, đến năm 1996 do ông Quảng tuổi cao sức yếu nên bà M1 về nhà ông Q để tiện bề phụng dưỡng, lúc đó vợ chồng bà Trần Thị X và ông Nguyễn Văn T1 (cha mẹ bà D) ở đất đối diện, là chỗ chị em ruột với bà nội ông M, ông T1 và bà M1 trình bày sợ ở dưới mé sống lâu năm nước lờ nên có xin bà nội ông M được lên ở nhờ trên thửa 1548, được bà nội ông M đồng ý nên gia đình ông T1 bà M1 chuyển lên ở vào năm 1996, và vào ở luôn trong căn nhà hiện tại của bà nội ông M, qua nhiều năm gia đình bà D có sửa chữa, xây cất lại thành căn nhà hiện tại được trên nền móng mà nhà bà M1 để lại.

Năm 2003 khi nhà nước tiến hành đo đạc cấp giấy, do gia đình toàn là phụ nữ và người già, nên ông T1 đại diện tiến hành đi khai báo và làm thủ tục cấp giấy, nói là đi làm thủ tục cấp giấy dùm cho chị vợ là bà Trần Thị M1, nhưng ông T1 đã tự khai báo phần đất ở nhờ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình, vào năm 2003. Đến năm 2019 thì ông T1 và bà X tặng cho con là bà D. Quá trình cấp giấy lần đầu và quá trình cấp giấy theo hợp đồng tặng cho điều không có tiến hành đo đạc thực tế, cũng như không thông báo cho gia đình ông M biết.

Hiện trạng sử dụng đất hiện tại là đường nước sử dụng chung do bên ông M quản lý, và đặt máy bơm nước, để chủ động dòng nước ra vô phục vụ sinh hoạt và tưới tiêu, và cho hộ bà D sử dụng nhờ nương nước. Phần đất nằm trên các mốc M17, M18, M19 do ông M sang lấp vào năm 2020, lúc đó T2 có thuê cô be để sang sửa đất trồng dừa và đem đất thừa đó tiến hành sang lấp nương, và trồng cóc.

Lúc đó bà nội ông M là bà Trần Thị M1 còn sống, nên gia đình ông T1 không có tranh cãi, vì lúc đó trên danh nghĩa gia đình ông T1 vẫn đang ở nhà đất gia đình ông M, và không muốn bên gia đình ông M hay biết về việc đã được cấp giấy, đến ngày 06/9/2021 bà nội ông M mất thì đến tháng 06 năm 2022 thì gia đình ông T1 bắt đầu tiến hành khởi kiện ông M tại uỷ ban nhân dân xã. Vì nguồn gốc đất của nguyên đơn ở nhờ trên đất nội ông M, để lại cho ông M, ông M không tranh chấp về quyền sử dụng bởi các bên cũng là bà con ruột thịt, ông M không có nhu cầu sử dụng và nguyên đơn cũng ở lâu trên đất. Riêng việc việc nguyên đơn tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất thì ông M không đồng ý, vì nguồn gốc đất là của gia đình ông M và việc ranh đất ông M sử dụng đã ông định nhiều năm qua, việc kênh nước có từ hàng trăm năm để phục vụ cuộc sống sinh hoạt gia đình và tưới tiêu cây trồng, ranh giới đã được sử dụng ổn định không có tranh chấp trên thực tế, nên ông M đề nghị Toà án xem xét không chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữ nguyên hiện trạng ranh đất như thực tế là phù hợp pháp luật cũng như không ảnh hưởng đến quy hoạch và sử dụng đất thực tế.

Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M đang thế chấp tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện C.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện C có văn bản trình bày: Yêu cầu không đưa Ngân hàng vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và yêu cầu không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng trong vụ án trên. Khi có phát sinh tranh chấp hợp đồng vay vốn với bà Lê Cẩm T3 Ngân hàng sẽ khởi kiện ở vụ án khác. Đồng thời Ngân hàng có đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đối thoại và phiên xét xử.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

Bà Nguyễn Thị D nộp cho Tòa án gồm:

- Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (photo);
- Biên bản hòa giải ngày 23/8/2022;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (photo);
- Công văn 417/CNVPĐKĐĐHCL – CCTT ngày 10/01/2023;
- Trích lục bản đồ địa chính.

Bị đơn nộp cho Tòa án gồm:

- Hợp đồng uỷ quyền ngày 06/12/2023 (Bản chính);
- Văn bản trình bày ý kiến của Võ Thị P, Võ Thị B, Võ Văn N, Nguyễn Văn P1, Phan Văn N1, Phan Hùng C1 (bản chính có xác nhận chữ ký);

Tòa án thu thập gồm:

- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2023;
- Sơ đồ đo đạc ngày 05/4/2023;
- Biên bản định giá ngày 03/10/2023;
- Công văn số 13835/CNVPĐKĐĐHCL – CCTT ngày 11/9/2023 (bản chính). Kèm theo công văn là bản sao y hồ sơ gồm có: Hồ sơ cấp giấy của bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Hoàng M.

Công văn số 1660/CNVPĐKĐĐHCL – CCTT ngày 30/01/2024 (bản chính).

Công văn số 1311/CAH – QLHC ngày 11/7/2024 của Công an huyện C (Bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai nhưng không ai có ý kiến phản bác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự và Điều 236 Luật đất đai, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 1548 do bà Nguyễn Thị D đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 612 do hộ ông Nguyễn Hoàng M đứng tên là đường thẳng nối từ các mốc M7, M26, M23, M25, M22, M21, M20, M19, M18, M17; theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2023 và sơ đồ đo đạc ngày 05/4/2023 của Trung tâm K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất thửa 1548 với thửa 612 cùng tờ bản đồ số 3 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp về dân sự - Ranh giới quyền sử dụng đất” theo quy định tại Điều 175 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm c, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[3] Ngân hàng N2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự vắng mặt.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất thửa 1548 do bà Nguyễn Thị D đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 612 do hộ ông Nguyễn Hoàng M đứng tên là đường thẳng nối từ các mốc M7, M24; tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Nguồn gốc đất thuộc thửa 1548, thửa 612 cùng tờ bản đồ số 03 là của ông Trần Văn Q cho các con là bà Trần Thị M1 (thửa 612) và bà Nguyễn Thị X1

(thửa 1548) bà X1 để cho chồng ông Nguyễn Văn T1 đứng tên. Năm 2005 bà M1 làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 612 cho cháu nội là ông Nguyễn Hoàng M. Năm 2019 ông T1 làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng thửa đất 1548 cho con là bà Nguyễn Thị D. Các thủ tục kê khai cấp giấy từ trước đến nay đều không có đo đạc thực tế. Diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bên đều thiếu (khi chưa tính diện tích đất tranh chấp).

[4.2] Về quá trình sử dụng: Hiện trạng đất tranh chấp đầu ngoài giáp lộ đàng là con mương ông M đặt máy bơm để bơm nước, mặt sau giáp thủy lợi ông M đã san lấp đất và trồng cóc năm 2020. Bà D xác định không sử dụng, không trồng cây, xây dựng công trình gì trên đất. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận khi ông M san lấp đất và trồng cây, bà không xác định được ranh giới nên không tranh chấp. Đến năm 2022, bà biết được diện tích đất được cấp bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên mới khởi kiện.

[4.3] Do đó bà D yêu cầu Tòa án xác định ranh cho bà D được đủ đất so với giấy chứng nhận được cấp là chưa có đủ cơ sở để chấp nhận.

[4.4] Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý và giải quyết ông M có thừa nhận hiện trạng sử dụng đất hiện tại là đường nước sử dụng chung do bên ông M quản lý và đặt máy bơm nước để chủ động dòng nước ra vô phục vụ sinh hoạt và tưới tiêu và cho hộ bà D cùng sử dụng. Bên cạnh đó, hiện trạng mương trước đây rộng khoảng 1.5 m, còn hiện tại lớn hơn do trong quá trình sử dụng bị sạt lở. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của bà D tại là đường thẳng từ mốc M7- M26.

[5] Từ những phân tích nêu trên và căn cứ vào Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự và Điều 236 Luật đất đai, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ một phần. Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định như sau: Thửa 1548 do bà Nguyễn Thị D đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 612 do hộ ông Nguyễn Hoàng M đứng tên là đường thẳng nối từ các mốc M7, M26, M23, M25, M22, M21, M20, M19, M18, M17 theo sơ đồ đo đạc ngày 05/4/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C .

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện C. Tuy nhiên, Ngân hàng và ông M không tranh chấp gì, nếu có sẽ yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ kiện khác. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 1548 do bà Nguyễn Thị D đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 612 do hộ ông Nguyễn Hoàng M đứng tên là đường thẳng nối từ các mốc M7, M26, M23, M25, M22, M21, M20, M19, M18, M17; theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2023 và sơ đồ đo đạc ngày 05/4/2023 của Chi nhánh Văn phòng

đăng ký đất đai huyện C. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí.

[9] Về chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị D phải nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ Luật tố tụng dân sự số tiền là 10.696.000 đồng (Bà D đã nộp và chi xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm c, khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 175, Điều 176, Bộ luật dân sự; Điều 236 Luật đất đai; điểm a, khoản 2, Điều 2, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị D;

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 1548, tờ bản đồ số 3 do bà Nguyễn Thị D đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 612, tờ bản đồ số 3 do hộ ông Nguyễn Hoàng M đứng tên là đường thẳng nối từ các mốc M7, M26, M23, M25, M22, M21, M20, M19, M18, M17; theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2023 và sơ đồ đo đạc ngày 05/4/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Ranh giới quyền sử dụng đất trên được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Nếu cây trồng, vật kiến trúc, tài sản của bên này lấn qua phân đất của bên kia thì phải tháo dỡ, di dời, đốn bỏ theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Hoàng M có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại diện tích quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Bà D chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị D phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá số tiền là 10.696.000 đồng (Bà D đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Mai Hương – Phạm Phước Tâm

Trần Văn Đô